

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 491 /BCT-CNĐP

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

V/v thông báo danh mục quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau rà soát theo Chỉ thị số 07/CT-TTg

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH GIA LAI	
Số: 161	
Ngày: 23/01/2014	
chuyên	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ Công văn số 10092/VPCP-KTN ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về kết quả rà soát quy hoạch cụm công nghiệp (CCN) và hồ sơ báo cáo rà soát quy hoạch CCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Báo cáo số 2209/UBND-CNXD ngày 18 tháng 7 năm 2012 và Báo cáo số 346/UBND-CNXD ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai), Bộ Công Thương thông báo danh mục quy hoạch các CCN trên địa bàn Tỉnh sau rà soát theo Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ như Phụ lục gửi kèm.

Bộ Công Thương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành, đơn vị liên quan trên địa bàn xây dựng kế hoạch, giải pháp tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển CCN theo đúng quy định tại Quy chế quản lý CCN ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh;
- Sở Công Thương tỉnh Gia Lai; ✓
- Lưu: VT, CNĐP (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*

**Lê Dương Quang**

**Phụ lục. Danh mục quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020  
của tỉnh Gia Lai**

(Kèm theo Công văn số 491/BCT-CNĐP ngày 20/01/2014 của Bộ Công Thương)

TT	Tên, địa điểm CCN	Kết quả rà soát (ha)	Phương án quy hoạch đến năm 2020 (ha)	
			Giai đoạn đến 2015	Giai đoạn đến 2020
<b>I</b>	<b>CCN tiếp tục được quy hoạch</b>	<b>1.046,4</b>		
1	CCN TTCN Diên Phú, TP.Pleiku	80,0	40,0	<i>Không quá 75ha</i>
2	CCN TTCN Ia Khuról, huyện Chư Păh	50,0	50,0	50,0
3	CCN Đăk Djang, huyện Mang Yang	50,0	50,0	50,0
4	CCN Ia Sao, thị xã Ayun Pa	50,0	50,0	50,0
5	CCN Bàu Cạn - Thăng Hưng, huyện Chư Prông	50,0	50,0	50,0
6	CCN Ia Kha, huyện Ia Grai	50,0	50,0	50,0
7	CCN TT Kông Chro, huyện Kông Chro	40,0	40,0	40,0
8	CCN Phú An, huyện Đăk Pơ	40,0	40,0	40,0
9	CCN TTCN Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	108,0	<i>Không quá 75ha</i>	<i>Không quá 75ha</i>
10	CCN Ia Pa, huyện Ia Pa	40,0	40,0	40,0
11	CCN-TTCN K'Bang, huyện K'Bang	58,4	58,4	58,4
12	CCN Chư Puh, huyện Chư Puh	50,0	50,0	50,0
13	CCN TTCN Krông Pa, huyện Krông Pa	50,0	50,0	50,0
14	CCN Krông Pa (B), huyện Krông Pa	40,0	40,0	40,0
15	CCN Mang Yang (B), huyện Mang Yang	40,0	40,0	40,0
16	CCN An Khê, thị xã An Khê	50,0	50,0	50,0
17	CCN Pleime, huyện Chư Prông	40,0	40,0	40,0
18	CCN Chư Sê (B), huyện Chư Sê	40,0	40,0	40,0
19	CCN Đăk Đoa (B), huyện Đăk Đoa	40,0		40,0
20	CCN Chư Păh (B), huyện Chư Păh	40,0		40,0
21	CCN K'Bang (B), huyện K'Bang	40,0		40,0
<b>II</b>	<b>CCN điều chỉnh quy hoạch</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>CCN rút khỏi quy hoạch</b>	<b>0</b>		
<b>IV</b>	<b>CCN bổ sung quy hoạch</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.046,4</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Tổng hợp danh mục đến năm 2020 sau rà soát: 21 CCN với tổng diện tích 1046,4 ha (chưa bao gồm CCN tập trung Chư Sê: hiện tại đã quy hoạch chi tiết 51,5ha; dự kiến đến 2020 nâng cấp lên KCN 120ha).*